

DANH SÁCH XÁC NHẬN NGUỒN GỐC ĐẤT, TỔNG DIỆN TÍCH ĐẤT NÔNG NGHIỆP, TỶ LỆ PHẦN TRĂM (%) MẤT ĐẤT NÔNG NGHIỆP VÀ HỘ GIA ĐÌNH, CÁ NHÂN CÓ ĐANG SỬ DỤNG ĐẤT NÔNG NGHIỆP, CÓ NGUỒN THU NHẬP TỪ SẢN XUẤT TRÊN ĐẤT ĐÓ THEO QUY ĐỊNH TẠI KHOẢN 1, KHOẢN 2 ĐIỀU 22 NGHỊ ĐỊNH SỐ 88/2024/NĐ-CP NGÀY 15/7/2024 CỦA CHÍNH PHỦ

Công trình: Đường điện thấp sáng tuyến xóm ông Ngang - KDC Mang Ve, xã Sơn Liên.

Địa điểm xây dựng: xã Sơn Liên (nay là xã Sơn Tây Thượng), tỉnh Quảng Ngãi.

(Kèm theo công văn số 736/UBND ngày 21/10/2025 của UBND xã Sơn Tây Thượng)

ST T	Chủ sử dụng	Thường trú	Giấy chứng nhận QSD đất							Tờ BDDC khu đất tỷ lệ 1/2000 thực hiện dự án					Loại đất	Tổng diện tích đất nông nghiệp do hộ gia đình, cá nhân đang sử dụng (m2).	Tỷ lệ phần trăm (%) mất đất nông nghiệp	Nguồn gốc đất	Hộ gia đình, cá nhân có đang sử dụng đất nông nghiệp, có nguồn thu nhập từ sản xuất nông nghiệp trên đất đó theo quy định tại khoản 1, khoản 2 Điều 22 Nghị định số 88/2024/ND-CP ngày 15/7/2024 của Chính Phủ (có thì ghi là có, không thì ghi là không)	Ghi chú		
			Tờ bản đồ	số thửa	Diện tích	Loại đất	Số Giấy CNQSDĐ hoặc Số vào sổ	Chủ sử dụng	Diện tích đất tăng (giảm) so với Giấy CNQSD đất	Giải trình diện tích đất tăng (giảm) so với Giấy CNQSD đất	Số thửa	Tờ bản đồ	Diện tích (m2)									
													Trích lục	Quy hoạch hồ trụ							Còn lại	Ngoài QH đề nghị thu hồi luôn
1	Đình Văn Đe	thôn Mang Ve, xã Sơn Tây Thượng, tỉnh Quảng Ngãi	1	3	475,3	ONT+NHK	BO 522990	Đình Văn Đe		3	1	475,3	1,5	473,8		HNK	475,3	0,31559	Công nhận QSDĐ	Có		
	8		70	103836	CLN	AN 842449			70	27916		6,0	27910,0		CLN	103836	0,00578	Công nhận QSDĐ				
2	Đình Văn Đục		1	4	679,8	ONT+NHK	BO 522983	Đình Văn Đục		4		679,8	2,0	677,8		HNK	679,8	0,29420	Công nhận QSDĐ	Có		
3	Đình Văn Thắng		1	8	1030,1	ONT+NHK	BO 555011	Đình Văn Thắng		8		1030,1	2,0	1028,1		HNK	1030,1	0,19416	Công nhận QSDĐ	Có		
4	Đình Văn Bri		1	10	543,8	ONT+NHK	BO 522968	Đình Văn Bri		10		543,8	1,5	542,3		HNK	543,8	0,27584	Công nhận QSDĐ	Có		
5	Đình Văn Ben		8	44	201667	CLN	AL 481800	Đình Văn Ben		44		92956	18,4	92937,6		CLN	201667	0,00912	Công nhận QSDĐ	Có		
6	Đình Văn Đức		8	64	104232	LNK	AL 481813	Đình Văn Đức		64		60496	9,8	60486,2		CLN	104232	0,00940	Công nhận QSDĐ	Có		
7	Đình Văn Lôm		8	80	145268	LNK	AL 481835	Đình Văn Lôm		80		46739	1,6	46737,4		CLN	145268	0,00110	Công nhận QSDĐ	không		
8	Đình Văn Chiến		8	84	64980	LNK	AL 481851	Đình Văn Chiến		84		26771	10,7	26760,3		CLN	64980	0,01647	Công nhận QSDĐ	Có		
9	Đình Văn Nốp		8	94	35030	LNK	AK 178910	Đình Văn Nốp		94		15154	11,3	15142,7		CLN	35030	0,03226	Công nhận QSDĐ	không		
10	Đình Văn Lân		5	3	667,7	ONT+NHK	BO 52988	Đình Văn Lân		3	667,7	1,5	666,2		HNK	667,7	0,22465	Công nhận QSDĐ	Có			
11	Đình Văn Duắt		5	9	944,7	ONT+NHK	BO 522977	Đình Văn Duắt		9	944,7	2,0	942,7		HNK	944,7	0,21171	Công nhận QSDĐ	Có			
12	Đình Văn Điều		5	11	961	ONT+NHK	BO 522972	Đình Văn Điều		11	961	1,5	959,5		HNK	961	0,15609	Công nhận QSDĐ	Có			
13	Đình Văn Chiến		5	12	441,2	ONT+NHK	BO 522969	Đình Văn Chiến		12	441,2	1,5	439,7		HNK	441,2	0,33998	Công nhận QSDĐ	Có			
14	Đình Văn Nong		13	10	7963	CLN	AK 178814	Đình Văn Nong		10	7963	4,0	7959,0		CLN	7963	0,05023	Công nhận QSDĐ	Có			
			13	15	9986	CLN	AK 178815			15	4591	1,5	4589,5		CLN	9986	0,01502	Công nhận QSDĐ				
15	Đình Văn Giang		13	16	2472	CLN	AL 481809	Đình Văn Giang		16	2472	1,5	2470,5		CLN	2472	0,06068	Công nhận QSDĐ	Có			
16	Đình Văn Điều		13	19	9079	CLN	AK 178900	Đình Văn Điều		19	5176	2,0	5174,0		CLN	9079	0,02203	Công nhận QSDĐ	Có			
			13	20	4841	CLN	AK 178901			20	4841	13,3	4827,7		CLN	4841	0,27474	Công nhận QSDĐ	Có			
17	Đình Văn Neo		13	29	3421	CLN	AK 178935	Đình Văn Neo		29	3421	9,2	3411,8		CLN	3421	0,26893	Công nhận QSDĐ	không			
18	Đình Văn Đôn		13	34	4882	CLN	AK 178932	Đình Văn Đôn		34	4882	3,0	4879,0		CLN	4882	0,06145	Công nhận QSDĐ	có			
19	Đình Văn Sơn		13	44	20745	CLN	AK 178915	Đình Văn Sơn		44	20745	6,6	20738,4		CLN	20745	0,03181	Công nhận QSDĐ	không			
20	Đình Klun	13	45	4137	CLN	AK 178908	Đình Klun		45	4137	9,2	4127,8		CLN	4137	0,22238	Công nhận QSDĐ	có				
21	Đình Văn Duân	13	47	15755	CLN	AK 178904	Đình Văn Duân		47	15755	4,4	15750,6		CLN	15755	0,02793	Công nhận QSDĐ	Không				
22	Đình Văn Thanh	13	50	18882	CLN	AK 178902	Đình Văn Thanh		50	18882	8,2	18873,8		CLN	18882	0,04343	Công nhận QSDĐ	Có				

23	Đinh Văn Ngang		13	59	15681	CLN	AL 613061	Đinh Văn Ngang			59		15681	8,2	15672,8		CLN	15681	0,05229	Công nhận QSDĐ	Có	
24	Đinh Văn Vắc		13	62	12865	CLN	AK 178895	Đinh Văn Vắc			62		12865	2,5	12862,5		CLN	12865	0,01943	Công nhận QSDĐ	Không	
Tổng													397186,6	144,9	397041,7							

